

Số: 05/2025/DS - ST

Ngày 22-8-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lý Thị Minh Yên

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Kim Minh

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

**- Thư ký phiên toà:** Ông Vũ Anh Tùng - Thư ký Toà án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lào Cai tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai, Toà án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2025/TLST- DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2025, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 01/2025/QĐ-TA ngày 01 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/DSST ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Tạ Tuyết N

Địa chỉ: SN G đường D, phường C, thành phố L (nay là phường L), tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Chị Hoàng Ngọc L

Địa chỉ đăng ký HKTT: Tổ B, phường B, thành phố L (Nay là phường C), tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tạ Tuyết N trình bày: Do quen biết từ trước có qua lại chơi với nhau, đến năm 2020 khi dịch Covid bùng phát, chị L có nói chuyện về việc công ty đang cần tiền để nhập vải không dệt để may khẩu trang bán. Lúc đó chị L đang làm giám đốc công ty X1. Vì là chỗ chị em nên chị L và bà N có thỏa thuận về việc góp vốn vào công ty của chị L để chị L mua vải may khẩu trang, ngày 08/8/2020 bà N đã đưa cho chị L số tiền 150.000.000 đồng; đến ngày 14/8/2020 bà N tiếp tục đưa thêm cho chị L số tiền 147.000.000 đồng để góp vốn kinh doanh, lợi nhuận hai bên tự

thỏa thuận không ghi thành văn bản. Tổng cộng cả hai lần bà N đã đưa cho chị L số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng). Khi thỏa thuận góp vốn kinh doanh, chị Hoàng Ngọc L đang ở tại số nhà F, đường N, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Theo thỏa thuận giữa bà N và chị L thì sau một tháng chị L trả tiền lợi nhuận cho bà L, sau khi đưa tiền cho chị L, chị L có thanh toán cho bà N số tiền 10.000.000 đồng tiền lợi nhuận vào đầu tháng 9/2020; sau đó chị L có yêu cầu bà N đưa thêm số tiền 300.000.000 đồng nữa nhưng bà N không góp nữa, đến lần sau chị L lại bảo bà N góp thêm 300.000.000 đồng nữa nhưng bà N không góp, Bà N đã liên lạc yêu cầu chị L thanh toán tiền lợi nhuận, nhưng chị L bảo bận và nhiều lý do khác nên không thanh toán tiền. Bà N đã gọi điện nhiều lần nhưng không được sau đó chị L đã chặn số điện thoại của bà N, bà N đã đến số nhà F đường N thì mới được biết là nhà chị L thuê. Sau đó bà N đến công ty X1 nơi chị L nói là chị L làm việc thì công ty cũng trả lời là chị L không còn làm ở công ty X1 nữa; sau đó bà N tìm hiểu nhiều lần thì xác định được địa chỉ của chị L ở thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bà N đã đến tận nơi và gặp chị L thì chị L có hẹn đến mừng 6 Tết (năm 2021) thì chị L trả vải cho bà N ở bãi V trung khu K để đem đi bán nhưng chị L không trả vải cũng không trả tiền cho bà N như đã hẹn. Sau đó bà N gọi nhiều lần chị L lại chặn số điện thoại. Đến ngày 23/3/2021 bà N có thông báo về việc yêu cầu thanh toán nợ gửi cho chị L về địa chỉ thôn H, xã X, qua xác định tại bưu điện thì chị L đã nhận được thông báo yêu cầu trả tiền của bà N nhưng chị L vẫn cố tình không trả tiền, cũng không liên lạc với bà N. Sau đó bà N đã làm đơn tố cáo ra công an thành phố Lào Cai, nhưng Công an thành phố L trả lời là vụ việc dân sự nên hướng dẫn bà N khởi kiện vụ án dân sự.

Đến khoảng cuối năm 2023, do xác định chị L đang cư trú tại thôn H, xã X, huyện B nên bà N có làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, sau khi tòa án thụ lý, bà N tự đi xác minh thì được biết chị Hoàng Ngọc L có hộ khẩu thường trú tại Tổ B, phường B, thành phố L, nên bà N đã rút đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đến nay bà Tạ Tuyết N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lào Cai) giải quyết buộc chị Hoàng Ngọc L phải trả lại số tiền 297.000.000 đồng chị L đã nhận của bà. Trong đơn khởi kiện bà N có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hoàng Ngọc L phải trả số tiền gốc 297.000.000 đồng và tiền lợi nhuận 5.000.000 đồng/150.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên do không có căn cứ để tính lợi nhuận nên nay bà N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L trả số tiền gốc 297.000.000 đồng.

Bị đơn chị Hoàng Ngọc L đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên hòa giải theo Giấy triệu tập của Tòa án, kết quả xác minh tại địa phương chị L có hộ khẩu thường trú tại tổ B B, nhưng không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ hợp đồng hợp tác giữa bà Tạ Tuyết N và chị Hoàng Ngọc L, do chị L vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng; yêu cầu chị Hoàng

Ngọc L trả lại cho bà số tiền 297.000.000 đồng; bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Tuyết N, buộc chị Hoàng Ngọc L phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Tạ Tuyết N số tiền 297.000.000 đồng. Tuyên án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố L. Việc thỏa thuận giữa bà Tạ Tuyết N và chị Hoàng Thị L1 có giấy thỏa thuận viết tay, do đó việc các bên giao kết hợp đồng phù hợp với Điều 385, 386 của Bộ luật dân sự; Nội dung hợp đồng là thỏa thuận giữa các cá nhân về việc bà N góp tiền để chị N mua vải sản xuất khẩu trang, lợi nhuận các bên tự thỏa thuận và phụ thuộc vào thị trường, như vậy giữa hai bên đã có thỏa thuận hợp tác kinh doanh bằng văn bản. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại phường L và phường C (thuộc thành phố L cũ); Do đó đây là Tranh chấp Hợp đồng hợp tác theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lào Cai) theo điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được niêm yết giấy triệu tập theo quy định của pháp luật đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn bà Tạ Tuyết N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hoàng Ngọc L có trách nhiệm trả lại số tiền 297.000.000 đồng bà N đã góp vốn với chị L, tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà N đề nghị tòa án buộc chị Hoàng Ngọc L có trách nhiệm thanh toán trả cho bà N số tiền đã góp vốn là 297.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Xét thấy, việc giao kết hợp đồng do các bên tự nguyện tham gia ký kết, không bị ai ép buộc. Nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc thực hiện hợp đồng: Sau khi viết giấy thỏa thuận hợp tác, bà N đã chuyển tiền cho chị L làm 02 lần: Lần 01 vào ngày 08/8/2020, số tiền 150.000.000 đồng; Lần 02 vào ngày 14/8/2020, số tiền 147.000.000 đồng. Tổng số tiền bà N đã chuyển cho chị L là 297.000.000 đồng. Sau khi thực hiện thỏa thuận, bà N đã được chị L thanh

toán 01 lần tiền lợi nhuận vào đầu tháng 9/2020, số tiền là 10.000.000 đồng. Sau đó chị L không thanh toán cho bà N lần nào khác. Bà N đã yêu cầu nhiều lần nhưng chị L không thanh toán, do đó bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L trả lại số tiền 297.000.000 đồng. Xét thấy việc bà N yêu cầu chị L trả lại tiền là có căn cứ, vì mặc dù thỏa thuận giữa bà N và chị L là hợp đồng góp vốn, tuy nhiên từ thời điểm hai bên thỏa thuận góp vốn là tháng 8/2020 đến thời điểm bà N khởi kiện tháng 4/2025 là đã quá 03 năm kể từ ngày bà N biết hoặc phải biết về quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự, do đó thời hiệu khởi kiện về hợp đồng đã hết. Việc bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L có trách nhiệm trả lại số tiền vốn đã góp là 297.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả xác minh cho thấy chị Hoàng Ngọc L có hộ khẩu thường trú tại tổ B, phường B, thành phố L (nay thuộc phường C), tỉnh Lào Cai, nhưng hiện không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy tháng 8/2020, giữa bà N và chị L thỏa thuận hợp tác kinh doanh, theo đó bà N có trách nhiệm chuyển tiền, chị L có trách nhiệm mua vải may khẩu trang để bán ra thị trường, lợi nhuận hai bên tự thỏa thuận, tùy thuộc vào thị trường, bản thân bà N đã xác nhận tháng 9/2020 chị Hoàng Ngọc L đã thanh toán cho bà N tiền lợi nhuận của tháng 8/2020 là 10.000.000 đồng. Sau đó chị L không thanh toán tiền lợi nhuận cho bà N nữa. Đến ngày 23/3/2021 bà N đã có thông báo về việc thanh toán nợ gửi cho chị Hoàng Ngọc L tại địa chỉ thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Tại bản tra cứu định vị số ef330677080VN của Bưu điện V thể hiện thông tin phát đã phát thành công về địa chỉ trên. Như vậy bà N đã đơn phương chấm dứt hợp đồng góp vốn và yêu cầu giải quyết về hậu quả hợp đồng nhưng các bên không thỏa thuận được. Quá trình giải quyết vụ án, bà N có cung cấp file ghi âm cuộc gọi giữa bà N và chị L, tuy nhiên đây chỉ là bản ghi âm do bà N tự sao gửi chưa có căn cứ xác định nguồn gốc, mặt khác chị Hoàng Ngọc L vắng mặt tại địa phương không xác định được địa chỉ cụ thể nên không xác minh làm rõ được. Tuy nhiên căn cứ vào giấy viết tay ngày 8/8/2020 xác định chị L có nhận của bà N số tiền 297.000.000 đồng. Ngoài ra không có giấy tờ nào khác về việc thanh toán. Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và thực hiện các thủ tục niêm yết cho bị đơn theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi gì.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Tuyết N, tuyên bố buộc chị Hoàng Ngọc L phải có trách nhiệm trả cho bà Tạ Tuyết N số tiền là 297.000.000 đồng

Về chậm nghĩa vụ thanh toán: Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì bị đơn còn phải chịu lãi suất của khoản tiền phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 280; Điều 385, 386; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Hoàng Ngọc L phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Tạ Tuyết N số tiền gốc là 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Về án phí: Chị Hoàng Ngọc L phải chịu 14.850.000 đồng (Mười bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tạ Tuyết N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Tạ Tuyết N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.425.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 185 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là phòng Thi hành án khu vực 6 – Lào Cai).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 6 - Lào Cai;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Minh Yên**